

Phẩm 15: PHẬT THĂNG DẠ MA THIÊN TỰ TẠI (Hội thứ tư)

Bốn môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi. Phật là Hóa chủ; Thăng là tiến lên phía trên; Dạ-ma là Thời Thiên, cũng nói là Hý Lạc; Thiên là Minh; Tự tại là đi lại giữa bầu trời không ngăn ngại. Dựa theo hành chuẩn mực có thể biết, tức là trả lời câu hỏi về Thập Hạnh trước đây.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì dựa vào hiểu biết phát khởi thực hành, có hai ý, một là ý đưa ra thuộc về Hội, hai là ý đưa ra thuộc về Phẩm, đều nói như Hội thứ ba.

3) Tông thì có hai, dựa theo người-dựa theo pháp giống như trên, dựa theo suy nghĩ có thể biết. Tông của phẩm này là trình bày về nơi chốn và phát khởi cúng dường.

4) Phân rõ văn. Văn này gồm có bốn phẩm phân làm ba: Đầu là hai phẩm phân rõ về Tựa, tiếp theo một phẩm trình bày về Thể của hành, tiếp theo một phẩm trình bày về phương tiện thắng tiến. Văn phần đầu về Tựa này cùng giống như Hội trước, chỉ tăng thêm thù thắng chuyển lên cao nhờ vào pháp không giống nhau mà thôi. Từ câu “Lúc bấy giờ vốn có sức mạnh oai thần của Như Lai, cho nên thế giới của tất cả chư Phật ở mười phương, các thế giới hệ (tứ thiên hạ) giống như một cõi Diêm-phù-đề, cho đến không có nơi nào không hiện bày rõ ràng...” Nếu lúc dựa theo giáo của ba Thừa để phân rõ, thì bởi vì cõi Diêm-phù là nơi khổ đau-trống rỗng-dơ bẩn xấu xa, tình thức nhanh nhạy chán ngán khổ đau, ý chí mạnh mẽ vui mừng hưởng lên, cho nên thân Phật thành đạo ở cõi Diêm-phù chứ không phải là xuất thế. Nếu lúc dựa theo cọng giáo của Nhất thừa-Tam thừa, thì muốn hiển bày cõi Diêm-phù là Thật tức Không, là Tựa thành Giả, là sự việc mãi không thoát được làm cho bậc Thánh luôn luôn thương xót, Phật dùng sức mạnh của Bốn nguyện thương xót chúng sinh, thuận theo thân Phật thành đạo ở thế gian này, thị hiện thân Phật cho nên thân Phật tức là xuất thế. Nếu lúc dựa theo Nhất thừa, thì cõi Diêm-phù này tức là cảnh giới của Nhất tâm pháp giới, hoặc là Phật-hoặc là nơi chốn đều hiển bày Phật ở nơi nhiễm ô nhất mà không uestạp, cho nên hiển bày thành đạo ở cõi này. Nhưng nghĩa về các sự việc ứng hóa đều dựa theo đây mà khác biệt.

Thứ hai trong phần thành tựu căn cơ cúng dường có bốn, văn phần đầu có hai: Một, trình bày về phát khởi cúng dường tức là căn; hai, từ “Hiệp chưởng...” trở xuống trình bày về thỉnh Phật tức là mong muốn. Trong phần một là hạnh cúng dường có hai: Một là trang nghiêm, hai là

kết luận. Phần trang nghiêm có hai mươi ba sự việc: Đầu là phân rõ về Sự trang nghiêm, hai từ “Thiện căn...” trở xuống là Hạnh trang nghiêm, ba từ “Như Lai...” trở xuống là công đức của Phật gia hộ cúng dường trang nghiêm, hiển bày về nhân giống như quả, còn lại có thể biết.

Hỏi: Vì sao phần kệ ca ngợi của Thập Giải riêng biệt nêu ra danh hiệu Phật, ở đây thì không như vậy?

Đáp: Bởi vì Giải biết về tướng riêng biệt, Hạnh thì gồm chung thành tựu.

Phẩm 16: BỒ TÁT THUYẾT KỆ

Bốn môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi. Nhân kỳ diệu của tự Thể, thực hành tập hợp theo văn, giáo thì biểu hiện rõ ràng, cho nên nói là Bồ-tát thuyết kệ. Nghĩa còn lại có thể biết.

2,3) là Ý đưa ra và Tông đều dựa theo như trên. Lại hỏi: Nếu nghĩa theo thứ tự sinh khởi lẫn nhau, ý giống nhau nhưng do hiển bày riêng biệt, thì vì sao tên gọi không giống với trước?

Đáp: Bởi vì ý ở đây chỉ muốn hiển bày về nghĩa đan xen qua lại cho nên như vậy, nhưng tăng thêm thù thắng và dựa vào pháp là khác biệt thì có thể biết.

4) Giải thích văn. Trong này, thứ nhất là trong Tựa về quy tụ chúng, thế giới cùng tên gọi là Tuệ, bởi vì Tuệ của Giải trước đây tức là quy phạm của Hạnh. Phật cùng danh hiệu là Nhãn, bởi vì tâm hành thấy pháp rõ ràng. Bồ-tát cùng tên gọi là Lâm, bởi vì chỉ dùng hạnh này làm lợi ích cho chúng sinh, rừng rục cùng phát khởi, hiển bày về tướng tập hợp đầy đủ.

Hỏi: Trong đoạn thứ hai ngón chân phóng ánh sáng cùng với Hội trước có gì khác nhau?

Đáp: Ví như ngón chân có hai năng lực là đi và đứng, trước đây làm sáng tỏ về đứng (trú), ở đây hiển bày về đi (hành), cho nên ví dụ khác nhau.

Thứ ba là trong Tựa về nói kệ thì mười vị đều dùng Chân như duyên khởi mà mình đã đạt được, dựa vào pháp để ca ngợi Phật, trực là quy về hành tướng.

1) Kệ của Bồ-tát Công Đức Lâm có hai: Một, trường hàng sinh khởi; hai, từ “Thuyết kệ...” trở xuống đều dựa theo. Văn này ca ngợi về công đức tự tại của Pháp thân, có mười một kệ, sáu kệ đầu nhắc lại tướng tự tại vân tập lên cõi trời trước đây, tiếp theo năm kệ về Pháp thân tự tại vô cùng sâu xa.

2) Kệ của Bồ-tát Tuệ Lâm có hai: Một, hai kệ đầu phân rõ về Phật có đủ công đức khó gặp, hai, tiếp theo tám kệ giải thích về có đủ công đức khó gặp trước đây. Trong tám kệ phân ba: Một là hai kệ đầu trình bày về phần có đủ công đức trên đây; hai là tiếp theo từ “Như Lai vô dũ đẳng...” trở xuống bốn kệ giải thích về khó gặp trên đây; ba là tiếp theo từ “Bất khả tư nghị kiếp...” trở xuống hai kệ so sánh khuyến khích tu tập.

3) Kệ của Bồ-tát Thắng Lâm có bốn: Một, hai kệ đầu nói ví dụ về sâu xa vi tế; hai, tiếp theo một kệ hợp cùng với pháp; ba, tiếp theo hai kệ phân rõ về nguyên cơ sâu xa; bốn, tiếp theo năm kệ ca ngợi về công dụng thù thắng.

4) Kệ của Bồ-tát Vô Úy Lâm có ba: Một, hai kệ đầu nêu ra Thể thù thắng; hai, tiếp theo năm kệ nêu ra Dụng thù thắng; ba, tiếp theo ba kệ khuyến khích học hỏi. Hai văn về Thể-Dụng đều có hai: Một là nêu ra pháp sâu xa, hai là ca ngợi đức thù thắng.

5) Kệ của Bồ-tát Tàm Quý Lâm có năm: Một, một kệ đầu tổng quát ca ngợi về lợi ích thù thắng của pháp Phật; hai, tiếp theo một kệ ca ngợi về tướng Dụng thù thắng; ba, tiếp theo sáu kệ trở lại nguyên cơ thành tựu Dụng thù thắng, trong này một kệ đầu là tổng quát, tiếp theo năm kệ là riêng biệt; bốn, tiếp theo một kệ thuận theo thành tựu đức Dụng của người; năm, kết luận về người khó gặp. Trong văn trở lại thành tựu: Một, một kệ là dụ về tánh ngu trí khác biệt; hai, một kệ là dụ về cùng trở thành hư vọng; ba, một kệ dụ về hai tánh trái ngược nhau; bốn, một kệ dụ về duyên của ngu-trí cách biệt; năm, một kệ dụ về Dụng không có cảm đến lẫn nhau.

6) Kệ của Bồ-tát Tinh Tiến Lâm có ba: Một, một kệ đầu tổng quát ca ngợi về người thù thắng; hai, tiếp theo tám kệ mở rộng nêu ra pháp thành tựu người; ba, tiếp theo một kệ trình bày về người và pháp sâu xa cho nên khó gặp. Trong tám kệ: Một là dụ về Thể của pháp không có gì khác, hai là dụ về Thể của pháp rỗng rang không có, ba là dụ về Thể của pháp không có thật, bốn là dụ về Thể của pháp lìa xa tướng, năm là dụ về Thể của pháp thành tựu chân thật, sáu là dụ về một thành tựu nhiều dụng, bảy là dụ về khởi dụng dựa vào duyên, tám là dụ về Thể kiên cố khó hủy hoại.

7) Kệ của Bồ-tát Lực Thành Tựu Lâm có ba: Một, bốn kệ đầu quán về duyên khởi dựa vào nơi khác; hai, tiếp theo năm kệ phân biệt về Vô tướng; ba, tiếp theo một kệ dựa theo tâm ca ngợi về Dụng. Văn phần một phân hai: Hai kệ đầu là Pháp, hai kệ sau là Quán.

8) Kệ của Bồ-tát Kiên Cố Lâm có hai: Một, bảy kệ đầu phân rõ về hai thân tánh-tướng của Phật khó bàn luận; hai, tiếp theo ba kệ phân rõ về thù thắng. Trong bảy kệ trước có hai: Một, hai kệ đầu là dụ phân rõ về Tánh thân; hai, tiếp theo có năm kệ là ví dụ-kết hợp đồng thời ca ngợi về Ứng Hóa.

9) Kệ của Như Lai Lâm được có hai: Một, chín kệ đầu dụ-pháp cùng hiển bày; hai, tiếp theo một kệ khuyến khích học hỏi. Văn phần

một có hai: Một là năm kệ đầu ví dụ lần lượt chuyển tiếp trả lời về năm nghi ngờ sâu xa:

- 1) Nghi ngờ về pháp là thật, trả lời bắt đầu thực hành;
- 2) Kiến chấp sinh ra hiểu biết khác nhau, nghi ngờ về pháp là xa nhân;
- 3) Nghi ngờ về pháp chân thật phân biệt là tâm mà có;
- 4) Nghi ngờ đã là tâm tạo tác thì vì sao không phải là có;
- 5) Cho rằng tâm tạo tác là pháp có nhận biết.

Điều này nên suy nghĩ chính xác. Hai là tiếp theo bốn kệ về pháp hợp. Tạo ra Như Lai ấy nghĩa là Vô tác Phật. Nguyên có thể nào? Bởi vì dựa theo ý đưa ra trước đây không có thể là Hữu tác Phật.

10) Kệ của Bồ-tát Trí Lâm có hai: Một, tám kệ đầu ca ngợi Pháp thân vô cùng sâu xa; hai, tiếp theo hai kệ kết thúc ca ngợi khuyến khích học hỏi. Văn phần một có hai: Ba kệ đầu ca ngợi về Thể, tiếp theo năm kệ ca ngợi về Dụng.
